

KẾT QUẢ THI KẾT THÚC HỌC PHẦN BTKT CAO HỌC

Ngành: KHOA HỌC MÁY TÍNH - HTTT - TTNT K32 - K33 - K34 - K35

Mã môn học: _____ Khóa: Tháng 04/2025

Tên môn học: KỸ THUẬT LẬP TRÌNH Số tiết: 60

Ngày thi: 18g00 ngày 30/7/2025 Phòng thi C22

Giảng viên phụ trách môn học: TS. TRƯƠNG TOÀN THỊNH

Cán bộ coi thi: Tâm, Tháo

(*) Điểm giữa kỳ và cuối kỳ chấm trên thang điểm 10

STT	MÃ SỐ HV/ SỐ CCCD	Họ tên	Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
							Giữa kỳ (50 %)	Cuối kỳ (50 %)	Điểm TB
1	082203011331	Đoàn Nguyễn Bảo An	07/05/2003	Tiền Giang	1		6.6	7.5	7.0
2	068300004794	Lê Thị Hà	16/10/2000	Lâm Đồng			5.8	0.0	2.9
3	049200000206	Lê Thành	30/03/2000	Quảng Nam	1		6.3	4.0	5.2
4	091201011879	Đoàn Hoàng Khánh Huy	05/01/2001	Kiên Giang	1		7.0	2.5	4.8
5	079203021558	Nguyễn Đăng Khoa	03/12/2003	TP.HCM	2		8.7	6.0	7.4
6	077197002773	Nguyễn Vũ Ngọc Phương	20/03/1997	BR - VT	1		7.5	7.0	7.3
7	060097002116	Đinh Hữu Quý	23/04/1997	Bình Thuận			6.7	0.0	3.3
8	079099019799	Nguyễn Hùng Thanh	25/04/1999	TP.HCM	1		6.5	5.0	5.7
9	068201002992	Lê Phong Công Thành	04/12/2001	Lâm Đồng	1		7.7	4.5	6.1
10	068094012459	Hoàng Văn Tùng	29/09/1994	Lâm Đồng	2		7.5	3.5	5.5
11	060093012621	Nguyễn Anh Vũ	11/03/1993	Tiền Giang	1		8.1	6.0	7.0
12	060194005453	Lê Thị Tường Vy	25/04/1994	Bình Thuận	1		6.9	6.5	6.7
13	22C11072	Huỳnh Khương Hoà Nhân	07/10/1994	Sóc Trăng			9.3	0.0	4.6
14	22C15012	Võ Khánh Linh	26/07/1997	TP.HCM	1		8.5	7.5	8.0
15	23C11016	Vương Trần Trí Anh	17/08/2024	TP.HCM	1		8.1	6.0	7.0
16	23C15019	Nguyễn Đình Thiên Ân	20/08/2000	TP.HCM	2		7.7	5.0	6.3

STT	MÃ SỐ HV/ SỐ CCCD	Họ tên		Ngày sinh	Nơi sinh	Số tờ	Ký tên dự thi	Kết quả thi		
								Giữa kỳ (... %)	Cuối kỳ (... %)	Điểm TB
17	23C15031	Nguyễn Hữu	Lộc	14/06/1996	TP.HCM	1		7.5	7.5	7.5
18	23C15037	Bùi Trọng	Quý	25/01/2000	Lâm Đồng	1		8.2	3.0	5.6
19	24C11070	Bùi Thế	Vinh	24/01/2000	Bình Thuận	1	Vinh	7.5	6.0	6.8
20	24C15010	Lê Nguyễn Đăng	Khoa	08/09/2001	TP.HCM	1		5.1	1.5	3.3

TP. HCM, ngày ... tháng ... năm 20 ...
Cán bộ chấm thi



Trương Toàn Thịnh